

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp G, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đinh Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2015; đến năm 2018 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2018. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến giữa năm 2018 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế cũng như quan hệ tình cảm nên chị N và anh T đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị N nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N xác định, chị N và anh T có 02 con chung tên là Đinh Thị Ngọc G, sinh ngày 29/5/2018 và Đinh Thanh S, sinh ngày 23/10/2015. Hiện cháu G và cháu S đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng/cháu, cấp dưỡng đến khi cháu G, cháu S đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Văn T trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T, cho chị N và anh T ly hôn; về con chung: Giao con chung tên Đinh Thanh S và Đinh Thị Ngọc G cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng: Buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 745.000 đồng/tháng đến khi cháu G, cháu S đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị N và anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập anh Đinh Văn T hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt không rõ lý do và chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị N khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Đinh Văn T, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T hiện đang cư trú tại ấp T, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ hôn nhân: Chị N xác định, chị N và anh T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2015; đến năm 2018 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2018 nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N xác định, chị N và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; anh T và chị N thường xuyên cãi nhau và không còn lo lắng, quan tâm lẫn nhau nên chị N và anh T đã ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Tại Biên bản xác minh ngày 11/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, ông Đinh Thanh L (cha ruột của anh T) xác định: Giữa anh T và chị N thường xuyên xảy ra cự cãi nhưng không biết cãi nhau vấn đề gì và chị N đã dẫn 02 con ruột về cha mẹ ruột của chị N sinh sống. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được hình thành trên nguyên tắc tự nguyện, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía. Chị N xác định, chị N và anh T không còn lo lắng, quan tâm nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thực tế không thể hàn gắn, đời sống chung giữa chị N và anh T đã không thể tiếp tục duy trì và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị N xác định, chị N và anh T có 02 con chung tên là Đinh Thanh S, sinh ngày 23/10/2015 và Đinh Thị Ngọc G, sinh ngày 29/5/2018. Hiện cháu G và cháu S đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy, cháu S và cháu G hiện đang sống ổn định với chị N nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Đinh Thị Ngọc G, sinh ngày 29/5/2018 và Đinh Thanh S, sinh ngày 23/10/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 745.000 đồng/tháng đến khi cháu S và cháu G đủ 18 tuổi. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con...*” và khoản 2 Điều 82 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Căn cứ vào khả năng cũng như nhu cầu thiết yếu để nuôi con chung, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 745.000 đồng/tháng, kể từ ngày 30/9/2020 đến khi cháu S, cháu G đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Thanh S, sinh ngày 23/10/2015 và Đinh Thị Ngọc G, sinh ngày 29/5/2018 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, hiện cháu S và cháu G đang sống cùng với chị N. Buộc anh Đinh Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 745.000 (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 30/9/2020 cho đến khi cháu S, cháu G đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005436 ngày 29/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi nên chuyển thu án phí. Anh Đinh Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Nguyễn Duy Khanh